

R

BỘ THƯƠNG MẠI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG
--- & ---

ĐỀ TÀI NCKH CẤP BỘ

**GIẢI PHÁP NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH
CỦA CÁC NGÀNH DỊCH VỤ TRONG BỐI CẢNH HỘI
NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ VÀ THỰC HIỆN HIỆP ĐỊNH
THƯƠNG MẠI TỰ DO ASEAN-TRUNG QUỐC**

Mã số: 2005-78-004

Trường Đại học Ngoại thương

Chủ nhiệm Đề tài



PGS.TS. Nguyễn Hữu Khải

Hà nội, 2006

6646
61M 107

**BỘ THƯƠNG MẠI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG
--- & ---**

ĐỀ TÀI NCKH CẤP BỘ

**GIẢI PHÁP NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH
CỦA CÁC NGÀNH DỊCH VỤ TRONG BỐI CẢNH HỘI
NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ VÀ THỰC HIỆN HIỆP ĐỊNH
THƯƠNG MẠI TỰ DO ASEAN-TRUNG QUỐC**

Mã số: 2005-78-004

Chủ nhiệm đề tài:	PGS.TS. Nguyễn Hữu Khải
Thư ký đề tài :	ThS. Vũ Thị Hiền
Các thành viên tham gia:	ThS. Nguyễn Xuân Nữ
	ThS. Phạm Hồng Yến
	ThS. Lê Thị Ngọc Lan
	ThS. Đào Ngọc Tiến
	ThS. Hoàng Trung Dũng
	CN. Vũ Đức Cường
	CN. Trần Nguyên Chất

Hà nội, 2006

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

ACFTA	<i>ASEAN-China Free Trade Agreement</i>	Hiệp định thương mại tự do ASEAN - Trung Quốc
AFAS	<i>ASEAN Framework Agreement on Services</i>	Hiệp định khung về dịch vụ của ASEAN
AFTA	<i>ASEAN Free Trade Area</i>	Khu vực thương mại tự do ASEAN
ASEAN	<i>Association of South East Asia Nations</i>	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
BTA	<i>Bilateral Trade Agreement</i>	Hiệp định thương mại Việt Nam- Hoa Kỳ
FDI	<i>Foreign Direct Investment</i>	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
GATS	<i>General Agreement on Trade in Services</i>	Hiệp định chung về thương mại dịch vụ
IMF	<i>International Monetary Fund</i>	Quỹ tiền tệ quốc tế
MFN	<i>Most Favored Nations</i>	Nguyên tắc tối huệ quốc
NT	<i>National Treatment</i>	Nguyên tắc đãi ngộ quốc gia
WTO	<i>World Trade Organization</i>	Tổ chức Thương mại thế giới
NHNN		Ngân hàng Nhà nước
NHTM		Ngân hàng thương mại
NSNN		Ngân sách Nhà nước

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CỦA CÁC NGÀNH DỊCH VỤ TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ.....	1
1.1. MỘT SỐ KHÁI NIỆM CƠ BẢN.....	1
1.1.1. Khái niệm dịch vụ và thương mại dịch vụ.....	1
1.1.2. Khái niệm năng lực cạnh tranh.....	7
1.1.3. Tiêu chí đánh giá năng lực cạnh tranh của các ngành dịch vụ.....	9
1.2. HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ TRONG LĨNH VỰC DỊCH VỤ CỦA VIỆT NAM VÀ TÁC ĐỘNG ĐẾN CÁC NGÀNH DỊCH VỤ.....	12
1.2.1. Cam kết về dịch vụ của Việt Nam trong khuôn khổ Hiệp định khung về dịch vụ của ASEAN (AFAS).....	12
1.2.2. Tiến trình thực hiện các cam kết của Việt Nam về thương mại dịch vụ trong Hiệp định thương mại Việt - Mỹ.....	14
1.2.3. Bản chào cam kết về thương mại dịch vụ của Việt Nam trong đàm phán gia nhập WTO.....	18
1.2.4. Hội nhập về dịch vụ trong tiến trình thực hiện Hiệp định thương mại tự do ASEAN - Trung Quốc.....	20
1.2.5. Tác động của hội nhập kinh tế quốc tế và thực hiện ACFTA đối với các ngành dịch vụ của Việt Nam.....	22
1.3. KINH NGHIỆM NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH CỦA CÁC NGÀNH DỊCH VỤ CỦA MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI.....	26
1.3.1. Kinh nghiệm nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành dịch vụ viễn thông của Mỹ: tự do hoá và các biện pháp hỗ trợ mạnh mẽ của Chính phủ.....	26
1.3.2. Kinh nghiệm nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành dịch vụ bảo hiểm ở các nước EU.....	30
1.3.3. Dịch vụ ngân hàng - tự do hoá nửa vời và con đường nâng cao năng lực cạnh tranh ngành dịch vụ ngân hàng nhiều gập ghềnh của Hàn Quốc.....	32
1.3.4. Mô hình lấy phát triển dịch vụ làm chủ đạo: trường hợp ngành dịch vụ IT của Ấn Độ.....	37
1.3.5. Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam.....	38
CHƯƠNG II: ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CỦA CÁC NGÀNH DỊCH VỤ CỦA VIỆT NAM TRONG TƯƠNG QUAN SO SÁNH VỚI CÁC NƯỚC ASEAN VÀ TRUNG QUỐC.....	41
2.1. THỰC TRẠNG VỀ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CỦA CÁC NGÀNH DỊCH VỤ CỦA VIỆT NAM.....	41
2.1.1. Khái quát về sự phát triển của khu vực dịch vụ và thương mại dịch vụ của Việt Nam.....	41
2.1.2. Năng lực cạnh tranh của một số ngành dịch vụ điển hình của Việt Nam.....	46
2.2. THỰC TRẠNG NĂNG LỰC CẠNH TRANH CỦA CÁC NGÀNH DỊCH VỤ CỦA CÁC NƯỚC ASEAN, TRUNG QUỐC.....	73
2.2.1. Năng lực cạnh tranh của các ngành dịch vụ của ASEAN.....	73
2.2.2. Năng lực cạnh tranh các ngành dịch vụ của Trung Quốc.....	94

2.3. SO SÁNH NĂNG LỰC CẠNH TRANH CỦA MỘT SỐ PHÂN NGÀNH DỊCH VỤ TIÊU BIỂU CỦA VIỆT NAM VỚI CÁC NƯỚC ASEAN VÀ TRUNG QUỐC	109
2.3.1. Những so sánh chung về môi trường cạnh tranh.....	109
2.3.2. Những phân ngành dịch vụ Việt Nam có khả năng cạnh tranh cao.....	113
2.3.2. Những phân ngành dịch vụ Việt Nam kém khả năng cạnh tranh so với ASEAN và Trung Quốc	118
CHƯƠNG III: GIẢI PHÁP NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH CỦA CÁC NGÀNH DỊCH VỤ VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP VÀ THỰC HIỆN HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO ASEAN - TRUNG QUỐC	123
3.1. QUAN ĐIỂM, ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH DỊCH VỤ CỦA VIỆT NAM TRONG TIẾN TRÌNH HỘI NHẬP	123
3.1.1. Quan điểm của Đảng và Nhà nước về chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và phát triển các ngành dịch vụ	123
3.1.2. Định hướng phát triển các ngành dịch vụ của Việt Nam giai đoạn đến 2010 và tầm nhìn 2020	125
3.2. GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH CỦA CÁC NGÀNH DỊCH VỤ CỦA VIỆT NAM.....	130
3.2.1. Nhóm giải pháp chung.....	130
3.2.2. Giải pháp cho một số ngành dịch vụ cụ thể.....	137
KẾT LUẬN	169
 PHỤ LỤC	
Phụ lục 1: Các hình thức dịch vụ xuất khẩu của Việt Nam, theo GATS.....	173
Phụ lục 2: Số lượng khách du lịch quốc tế và nội địa tại Việt Nam từ 2000 đến 6/2003.....	174
Phụ lục 3: Xếp hạng một số nền kinh tế theo chỉ số năng lực dịch vụ tài chính (2003)	175
Phụ lục 4: So sánh các sân bay của Việt Nam với các nước trong khu vực và thế giới	176
Phụ lục 5: Các chỉ tiêu về du lịch của các nước ASEAN	177
Phụ lục 6: Các chỉ tiêu về vận tải của các nước ASEAN	179
Phụ lục 7: Các chỉ tiêu về dịch vụ của Trung Quốc.....	180
Phụ lục 8: Lợi nhuận ròng trung bình trên một doanh nghiệp, tính theo lĩnh vực hoạt động kinh tế: 2000-2002 (triệu đồng).....	182
Phụ lục 9: Khả năng sinh lời của một số ngân hàng trên thế giới năm 2002.....	183
Phụ lục 10: Tổng hợp kết quả điều tra	184

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1-1: Giao dịch thương mại dịch vụ theo phương thức cung cấp.....	6
Bảng 1-2: Bản chào về dịch vụ đầu tiên của Việt Nam trong ASEAN.....	13
Bảng 1-3: Các cam kết của 112 nước đã cam kết về du lịch dịch vụ trong WTO.....	19
Bảng 1-4: Tài sản của các tổ chức tài chính Hàn quốc.....	34
Bảng 1-5: So sánh phân ngành dịch vụ ở Việt Nam và Ấn Độ 1995-2001.....	37
Bảng 2-1: So sánh tốc độ tăng trưởng dịch vụ và GDP của Việt Nam.....	42
Bảng 2-2: Kim ngạch xuất, nhập khẩu dịch vụ Việt Nam giai đoạn 1995-2005.....	44
Bảng 2-3: Tốc độ tăng kim ngạch xuất, nhập khẩu dịch vụ và cán cân xuất, nhập khẩu dịch vụ.....	45
Bảng 2-4: Số lượt khách du lịch quốc tế đến Việt Nam giai đoạn 1990-2005.....	46
Bảng 2-5: Thị phần và biến động về lượng khách du lịch quốc tế vào Việt Nam.....	47
Bảng 2-6 : Giá trị nhập khẩu đối với khách du lịch Việt Nam ra nước ngoài năm 2000.....	51
Bảng 2-7 : Quy mô vốn tự có của các ngân hàng thương mại Việt Nam.....	53
Bảng 2-8: Quy mô vốn tự có của một số ngân hàng thương mại trên thế giới.....	53
Bảng 2-9: Tình hình huy động vốn của hệ thống NHTM Việt Nam.....	54
Bảng 2-10: Lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE).	55
Bảng 2-11: Lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản có (ROA).....	55
Bảng 2-12: Tình hình xuất, nhập khẩu dịch vụ ngân hàng năm 2000.....	57
Bảng 2-13: Kết cấu thị trường bảo hiểm giai đoạn 1993-2005.....	58
Bảng 2-14: Ước tính giá trị dịch vụ bảo hiểm hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu.....	61
Bảng 2-15: Khả năng thương thuyền của ngành vận tải biển Việt Nam.....	62
Bảng 2-16: Kết quả vận chuyển hàng hoá của HKVN từ 1995 đến 2003.....	64
Bảng 2-17: Đánh giá chất lượng dịch vụ hàng hoá của một số hãng hàng không....	65
Bảng 2-18: Số lượng khách du lịch đến các nước ASEAN (tính theo nước).....	78
Bảng 2-19 : Thu nhập từ du lịch quốc tế của các nước ASEAN.....	78
Bảng 2-20: Một số chỉ số viễn thông quan trọng ở các nước thành viên ASEAN....	81
Bảng 2-21: Xuất khẩu dịch vụ du lịch y tế của một số nước ASEAN.....	89
Bảng 2-22: So sánh về giá dịch vụ y tế (2001).....	90
Bảng 2-23: Xếp hạng về Vận tải đường hàng không các nước ASEAN.....	94
Bảng 2-24: Tỷ trọng dịch vụ trong GDP của Trung Quốc và tốc độ tăng trưởng của ngành qua các năm.....	95
Bảng 2-25: Cơ cấu ngành dịch vụ của Trung Quốc.....	97
Bảng 2-26: Giá trị thương mại dịch vụ quốc tế của Trung Quốc qua các năm.....	98

Bảng 2-27: Các nước đứng đầu về thu nhập từ du lịch	101
Bảng 2-28 : Tăng trưởng số lượng doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ của Trung Quốc	105
Bảng 2-29: Chỉ số về môi trường kinh tế vĩ mô của Việt Nam, Trung Quốc và các nước ASEAN	110
Bảng 2-30: Chỉ số về điều kiện cơ sở hạ tầng của Việt Nam, Trung Quốc và các nước ASEAN	110
Bảng 2-31: Chỉ số về khoa học công nghệ của Việt Nam, Trung Quốc và các nước ASEAN	110
Bảng 2-32: So sánh xuất khẩu dịch vụ của Việt nam với Trung Quốc, các nước Asean và thế giới	111
Bảng 2-33: Tỷ trọng đóng góp của ngành dịch vụ của các nước Asean và Trung Quốc trong tổng giá trị thương mại dịch vụ thế giới	111
Bảng 2-34: Tỷ trọng trong GDP của một số ngành dịch vụ của Trung quốc, Việt Nam và một số nước ASEAN, 1995-2001 (%)	112
Bảng 2-35: Thị phần và biến động về lượng khách du lịch quốc tế vào Việt Nam so với khu vực ASEAN và thế giới	113
Bảng 2-36: So sánh về mức độ phát triển cơ sở hạ tầng cho vận tải đường sắt giữa Việt Nam, Trung Quốc và các nước ASEAN	116
Bảng 2-37: So sánh về mức độ phát triển cơ sở hạ tầng cho vận tải đường hàng không giữa Việt Nam, Trung Quốc và các nước ASEAN	116
Bảng 2-38: So sánh về mức độ phát triển cơ sở hạ tầng cho vận tải đường thủy giữa Việt Nam, Trung Quốc và các nước ASEAN	116
Bảng 2-39: Dự đoán về số lượng công-ten-nơ thông quan tại các cảng khu vực ASEAN	117
Bảng 2-40: So sánh năng lực cạnh tranh của khu vực tài chính - ngân hàng Việt Nam với Trung Quốc và các nước ASEAN	118
Bảng 2-41: Tỷ lệ tiền mặt/GDP của hệ thống ngân hàng Việt Nam so với các nước trong khu vực (%).....	119
Bảng 2-42: Lượng sản phẩm dịch vụ do hệ thống ngân hàng Việt Nam cung cấp .	119
Bảng 2-43: Phí bảo hiểm bình quân đầu người của Việt Nam, Trung Quốc và các nước ASEAN	120
Bảng 2-44: So sánh các chỉ số ngành viễn thông của Việt Nam, Trung Quốc và các nước ASEAN	121
Bảng 2-45: So sánh cơ cấu doanh thu lĩnh vực viễn thông của Trung Quốc và Việt Nam	121

DANH MỤC HÌNH

Hình 1-1: Các nước xuất khẩu dịch vụ hàng đầu thế giới năm 2002	26
Hình 1-2: Xuất nhập khẩu dịch vụ viễn thông của Mỹ: giao dịch qua biên giới	27
Hình 2-1: Cán cân thương mại dịch vụ của Việt Nam	45
Hình 2-2: Mối quan hệ giữa dịch vụ du lịch và các dịch vụ khác	49
Hình 2-3: Tăng trưởng doanh thu phí bảo hiểm 1996-2004.....	59
Hình 2-4: So sánh khối lượng hàng hoá chuyên chở của Vietnam Airlines với các hãng hàng không quốc tế khai thác tại Việt Nam	66
Hình 2-5: Xu thế tăng chi ngân sách Nhà nước cho giáo dục ở Việt Nam giai đoạn 1993-2002.....	72
Hình 2-6: Tỷ lệ lưu học sinh phân theo khu vực địa lý giai đoạn 1993 - 2002	72
Hình 2-7: Tỷ trọng dịch vụ trong GDP của các nước ASEAN năm 2002.....	73
Hình 2-8: Kim ngạch xuất, nhập khẩu dịch vụ của khu vực ASEAN	74
Hình 2-9: Các quốc gia xuất nhập khẩu dịch vụ chính của Asean.....	75

LỜI NÓI ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Tại Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN lần thứ 5 tại Brunei (6/11/2001), Trung Quốc và ASEAN đã ký Hiệp định khung thành lập khu vực thương mại tự do dự định thực hiện trong vòng 10 năm. Việc thiết lập *Khu vực thương mại tự do ASEAN-Trung Quốc* là một bước tiến lớn trong quan hệ giữa hai khu vực kinh tế quan trọng ở châu Á, tạo ra một “sân chơi”, một thị trường với 1,7 tỷ người tiêu dùng với tổng thu nhập quốc nội xấp xỉ 2 nghìn tỷ USD và kim ngạch trao đổi thương mại khoảng 1,23 nghìn tỷ USD, giúp các nước trong khu vực có điều kiện thu hút vốn đầu tư nước ngoài, tăng cường khả năng đối phó với các rủi ro kinh tế và giảm sự lệ thuộc quá nhiều vào thị trường các nước phát triển. Mặc dù quy mô kinh tế không lớn như EU hay NAFTA, song Khu vực thương mại tự do ASEAN-Trung Quốc vẫn được đánh giá là khu vực năng động nhất thế giới.

Với việc dỡ bỏ các hàng rào thuế quan và phi thuế cùng với việc thực thi các cơ chế hỗ trợ khác, các sản phẩm hàng hoá và dịch vụ của Việt Nam - một thành viên của ASEAN- sẽ được mở rộng cửa hơn để thâm nhập không những vào thị trường các nước ASEAN mà còn tiến vào thị trường Trung Quốc rộng lớn, trong đó thương mại dịch vụ của Việt Nam được nhận định rằng sẽ có bước đột phá quan trọng. Tuy nhiên, đây là một lĩnh vực nhạy cảm đối với nền kinh tế và chưa phát triển mạnh nên dịch vụ của Việt Nam đang vấp phải những khó khăn vô cùng lớn khi cạnh tranh ngay cả với các nước ASEAN và đặc biệt là Trung Quốc - một nước có tiềm lực về quy mô, kinh nghiệm và nghệ thuật thương mại được tích lũy hàng ngàn năm, hơn nữa lại đang có những điều kiện giao lưu thương mại với các nước trên thế giới thuận lợi hơn Việt Nam nhờ vào tiến trình hội nhập mạnh mẽ.

Để nền kinh tế Việt Nam có thể phát triển mạnh và vững bước trong quá trình hội nhập nói chung và quá trình thực hiện Khu vực thương mại tự do ASEAN-Trung Quốc nói riêng, yêu cầu cấp bách hiện nay là cần phải nhìn nhận lại tổng thể sự phát triển của khu vực dịch vụ của Việt Nam, của các nước ASEAN và Trung Quốc, đánh giá được năng lực cạnh tranh về thương mại dịch vụ của Việt Nam trong tương quan so sánh với các nước ASEAN và Trung Quốc, để từ đó tìm ra những giải pháp để nâng cao năng lực cạnh tranh về thương mại dịch vụ của Việt Nam.

2. Tình hình nghiên cứu

Hiện đã có nhiều công trình nghiên cứu khác nhau trong và ngoài nước về năng lực cạnh tranh của các ngành và về lĩnh vực thương mại dịch vụ, ví dụ như cuốn sách "*Năng lực cạnh tranh quốc gia*" của M.Porter, Đề tài cấp Bộ "*Nâng cao năng lực cạnh*

tranh của hàng hoá và dịch vụ Việt Nam" do UBQG về hợp tác quốc tế thực hiện năm 2003; đề tài "*Nâng cao năng lực cạnh tranh của các ngân hàng thương mại Việt Nam trong xu thế hội nhập*" do PGS.TS Nguyễn Thị Quy làm chủ nhiệm; đề tài "*Tác động của việc thành lập Khu vực thương mại tự do ASEAN - Trung Quốc đối với kinh tế - thương mại Việt Nam*" do Bộ Thương mại thực hiện năm 2004; dự án VIE 02/009 "*Một số lựa chọn và kiến nghị cho chiến lược tổng thể phát triển khu vực dịch vụ của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế*" do Viện Kinh tế và Chính trị Thế giới và Công ty tư vấn tăng trưởng dịch vụ (Canada) thực hiện, nghiệm thu năm 2006,... Ngoài ra, còn rất nhiều các cuộc hội thảo, bài viết đăng tải trên các tạp chí, các luận văn thạc sỹ, luận án tiến sỹ liên quan đến vấn đề năng lực cạnh tranh của các ngành và vấn đề thương mại dịch vụ trong quá trình hội nhập. Tuy nhiên, các công trình này chủ yếu là đánh giá năng lực cạnh tranh của các ngành sản xuất hàng hoá hữu hình, hoặc chỉ giới hạn trong việc đánh giá năng lực cạnh tranh của một ngành dịch vụ đơn lẻ chứ chưa có công trình nào đánh giá tổng thể về năng lực cạnh tranh của các ngành dịch vụ, đặc biệt là đi sâu nghiên cứu năng lực cạnh tranh của các ngành dịch vụ trong bối cảnh hội nhập và thực hiện Hiệp định thương mại tự do ASEAN - Trung Quốc.

3. Mục tiêu nghiên cứu

- Đánh giá thực trạng năng lực cạnh tranh của các ngành dịch vụ Việt Nam trong tương quan so sánh với các nước ASEAN và Trung Quốc, những thách thức và cơ hội đối với các ngành dịch vụ của Việt Nam khi hội nhập và thực hiện Hiệp định thương mại tự do ASEAN - Trung Quốc

- Làm rõ các phân ngành dịch vụ mà Việt Nam có khả năng cạnh tranh cao và những phân ngành dịch vụ kém khả năng cạnh tranh so với ASEAN và Trung Quốc.

- Kiến nghị những giải pháp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của các ngành dịch vụ của Việt Nam.

4. Đối tượng nghiên cứu

- Những lý luận cơ bản về năng lực cạnh tranh của các ngành dịch vụ

- Thực tiễn năng lực cạnh tranh của các ngành dịch vụ của Việt Nam, các nước ASEAN và Trung Quốc.

- Các quy phạm pháp luật hiện hành liên quan đến khu vực dịch vụ; các chính sách phát triển các ngành dịch vụ của Việt Nam; Quan điểm và định hướng phát triển các ngành dịch vụ của Đảng và Nhà nước.

- Các điều ước quốc tế về dịch vụ mà Việt Nam đã và sẽ tham gia.

- Năng lực cạnh tranh của một số ngành dịch vụ tiêu biểu của một số nước chọn lọc;